

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26-02-2025.
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mộng Linh

Bà Bùi Thị Duyên

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Sĩ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/02/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc L, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: tổ H, ấp E, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Bách K, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 2 ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre.

(Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt, chị K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai và trong quá trình tố tụng anh Nguyễn Quốc L trình bày:

Anh và chị Huỳnh Thị Bách K tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Trong quá trình chung sống vợ chồng có được 01 con chung là Nguyễn Thành D, sinh ngày 15/6/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc hạnh phúc được một thời gian đến khoảng năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Anh yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Thị Bách K.

Về con chung: Anh đồng ý để con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng là 2.400.000 đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 15/01/2025 anh Nguyễn Quốc L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L. Về hôn nhân anh L được ly hôn với chị K, về con chung sẽ do chị K trực tiếp nuôi dưỡng và anh L tự nguyện cấp dưỡng 2.400.000 đồng/tháng đến khi cháu D tròn 18 tuổi, về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1 Về mối quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Chị Huỳnh Thị Bách K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 2 ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.3 Quá trình giải quyết vụ án, anh L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

2. Về nội dung:

2.1 Về hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc L và chị Huỳnh Thị Bách K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước và được cấp giấy chứng nhận vào ngày 10/12/2013. Vì vậy, hôn nhân của anh L, chị K được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh L cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm, phát sinh nhiều mâu thuẫn nên mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh L vẫn cương quyết ly hôn và chị K cũng không mong muốn hàn gắn đoàn tụ hoặc có ý kiến phản bác đối với yêu cầu của anh L. Do đó, xét thấy hôn nhân giữa anh L và chị K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L là phù hợp.

2.2 Về con chung: Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị K thì hiện tại cháu Nguyễn Thành D đang sống chung với chị K và cháu đang học tại trường tiểu học xã P. Do đó, cần tiếp tục để cháu D sống chung với chị K là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.400.000 đồng/tháng đến khi con chung tròn 18 tuổi nên được ghi nhận.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Anh L trình bày không có, chị K không có lời trình bày về tài sản, nếu sau này có tranh chấp các bên có quyền yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Đương sự có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Quốc L đối với chị Huỳnh Thị Bách K.

Cụ thể tuyên:

1.1 Về hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc L được ly hôn với chị Huỳnh Thị Bách K. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ, chồng sau khi ly hôn do anh L không có yêu cầu.

1.2 Về con chung: Anh L và chị K có 01 con chung tên Nguyễn Thành D, sinh ngày 15/6/2016. Sau khi ly hôn, cháu D sẽ do chị K trực tiếp nuôi dưỡng và anh L tự nguyện cấp dưỡng số tiền 2.400.000 đồng/tháng đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con khi cần thiết chị Đ, anh L1 có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Anh L trình bày không có, chị K không có lời trình bày về tài sản, nếu sau này có tranh chấp các bên có quyền yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng, anh Nguyễn Quốc L có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng theo biên lai thu số 0003596 ngày 10/10/2024.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là: 300.000 đồng, anh Nguyễn Quốc L có nghĩa vụ nộp.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- UBND xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Trí